TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 31 - 08 - 2018.
V/v: Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà nguyễn Thị Huê.
2. Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Trọng Ích - Cán bộ Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Hà Viết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/08/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST - DS ngày 25/07/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2018 giữa giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D – Sinh năm: 1983;
Địa chỉ: Đội 6 Quần Liêu, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1985;
Địa chỉ: Đội 6 Quần Liêu, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của chị Nguyễn Thị D tại các buổi làm việc với Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào tháng 10 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi được cấp đăng ký kết hôn một thời gian vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2014 nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và anh H có biểu hiện không chung thủy, chị đã khuyên ngăn nhưng anh H không nghe vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng ly thân nhau từ tháng cuối năm 2014. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng giữa chị và anh H là không còn vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D xác định giữa chị và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí K sinh ngày 19/6/2010 và Nguyễn Thị Minh C, sinh ngày 26/7/2014 kể từ khi vợ chồng ly thân cháu K và cháu C đang do chị nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng chị Nguyễn Thị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị D đề nghị giải quyết theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H đã cố tình trốn tránh không nhận các văn bản tố tụng. Tòa án đã làm việc với UBND xã N được địa phương cung cấp anh H và chị D đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Đội 6 Quần Liêu xã N, trong cuộc sống vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, khi chị D có đơn chính quyền đã triệu tập anh H lên để giải quyết nhưng anh H cố tình không lên. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H biết nhưng cố tình lảng tránh không hợp tác.

Tòa án đã phải niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D có đơn xin ly hôn anh H cố tình không tham gia giải quyết vụ án vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung: Chị D xác định giữa chị và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trí K sinh ngày 19/6/2010 và Nguyễn Thị Minh C sinh ngày 26/7/2014 kể từ khi vợ chồng ly thân con chung đang do chị D nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn chị D xin nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị thấy có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị D phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D đều có hộ khẩu thường trú tại xã Nghĩa Sơn huyện N, tỉnh Nam Định, việc chị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vụ án của anh chị được Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H cố tình không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 178 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H vào tháng 10 năm 2007 được UBND xã N cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và anh H có biểu hiện không chung thủy vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không thành, vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2014. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn, anh H vắng mặt nhưng có ký đơn xin ly hôn, quan điểm Viện kiểm sát đề nghị giải quyết ly hôn. Thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị D có đơn xin ly hôn, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị D có hai con chung là cháu Nguyễn Trí K sinh ngày 19/6/2010 và Nguyễn Thị Minh C sinh ngày 26/7/2014, vợ chồng ly hôn chị D xin nhận trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét yêu cầu của chị D về việc xin nhận trực tiếp nuôi cả hai con chung thấy kể từ khi vợ chồng ly thân cháu K và cháu C đang do chị D nuôi dưỡng anh H không quan tâm đến các con bản thân cháu K cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ vì vậy giao cả hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xét yêu cầu của chị D về việc không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị thấy yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Nguyễn Văn H không có ý kiến vì vậy không đặt ra vấn đề xem giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 6 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1]. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H.

[2]. Về con chung: Xử giao con chung là cháu Nguyễn Trí K sinh ngày 19/6/2010 và cháu Nguyễn Thị Minh C sinh ngày 26/7/2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/006281 ngày 09/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dântỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.